

Bản án số: 04/2023/HS-ST
Ngày: 09-01-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Chân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Phan Thùy Trang;
- Ông Nguyễn Thanh Trang.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy B5, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Khang và ông Lê Văn Thạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 93/2022/HSST ngày 22 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2022; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 07/TB-TA ngày 26/12/2022 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Kim B1, sinh năm 1977; nơi sinh: huyện H, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Mua bán; nơi cư trú: Số 9x71, đường TĐT, tổ 8, khóm MT, phường VM, thành phố K, tỉnh An Giang; trình độ học vấn 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Đạo Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Hương T, sinh năm 1953 (đã chết) và bà Lâm Thị T, sinh năm 1954; có chồng là Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977; con có 02 người, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2003; anh chị em ruột có 05 người, bị cáo là người thứ ba;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/5/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Kim B1: Bà Hồ Bích P, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số 1x5 (số cũ là 82 Bis), đường Trần Hưng Đạo, tổ 01, khóm Bình Long 4, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang – Luật sư Văn phòng luật sư Hồ Bích P, thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

2. Nguyễn Thị Bạch B2, sinh năm 1983; nơi sinh: huyện H, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Rửa xe; nơi cư trú: Số 9x, đường TĐT, tổ 8, khóm MT, phường VM, thành phố K, tỉnh An Giang; trình độ học vấn 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật giáo Hòa hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1932 (đã chết) và bà Trương Thị X, sinh năm 1945 (đã chết); có chồng là Diệp Văn B3, sinh năm 1977; con có 03 người, lớn sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2016; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ hai;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/11/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Thanh B3, sinh năm 1992; nơi sinh: thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Nội trợ; nơi cư trú: Số 1c, tổ 16, khu phố 2A, phường Trảng Dài, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; trình độ học vấn 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn G, sinh năm 1958 và bà Lê Thị T, sinh năm 1964; có chồng là Vũ Anh T, sinh năm 1987; con có 02 người, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ ba;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/5/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Văn Thị B4 (Tư), sinh năm 1980; nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm thuê; nơi cư trú: Số 230x, đường Cử Trị, tổ 2x, khóm 6, phường PA, thành phố K, tỉnh An Giang; trình độ học vấn 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông B7 Văn Vĩnh, sinh năm 1931 (đã chết) và bà Hồ Thị H, sinh năm 1938 (đã chết); có chồng là Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; con có 01 người, sinh năm 2006; anh chị em ruột có 05 người, bị cáo là người thứ tư;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/5/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Châu Thị Mỹ B5 (Chiệp), sinh năm 1966; nơi sinh: thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm tóc; nơi cư trú: Số 110/4/3, đường Trần Hưng Đạo, khóm 2, phường PA, thành phố K, tỉnh An Giang; trình độ học vấn 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Đạo Cao Đài; quốc tịch Việt Nam; con ông Châu Văn H, sinh năm 1932 (đã chết) và bà Nguyễn Tụ S, sinh năm 1943 (đã chết); có chồng là Nguyễn Văn T, sinh năm 1969; con có 02 người, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1993; anh chị em ruột có 06 người, bị cáo là người thứ nhất;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/5/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Châu Thị Mỹ B5: Bà Hồ Bích P, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số 1058 (số cũ là 82 Bis), đường Trần Hưng Đạo, tổ 01, khóm

Bình Long 4, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang – Luật sư Văn phòng luật sư Hồ Bích P, thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

6. Trần Văn B6 (Ngây), sinh năm 1983; nơi sinh: thành phố K, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; nơi cư trú: Số 36, khu dân cư Chợ, khóm V, phường VM, thành phố K, tỉnh An Giang; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch Việt Nam; con ông Trần Văn D, sinh năm 1961 và bà Trần Thị N, sinh năm 1959; có vợ là Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1984; con có 02 người, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2011; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ hai;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/5/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn B6: ông Nguyễn Ngọc Châu, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 6x8, đường Doãn Uẩn (đường cầu Cồn Tiên cũ), khóm 3, phường PA, thành phố K, tỉnh An Giang - Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Trần, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

7. Nguyễn Văn B7 (Tèo), sinh năm 1986; nơi sinh: thành phố K, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; nơi cư trú: ấp K, xã K, huyện H, tỉnh An Giang; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1932 (đã chết) và bà Trương Thị X, sinh năm 1945 (đã chết); có vợ là B3 Ngọc V, sinh năm 1989; con có 02 người, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2011; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ ba;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 29/11/2022 đến ngày 30/11/2022.

Từ ngày 30/11/2022, bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn B7: ông B3 Quang Vân, sinh năm 1986; địa chỉ: số 8/18, Lý Thường Kiệt, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang (có mặt).

8. Trần Thị Ánh B8 (chị Năm), sinh năm 1973; nơi sinh: huyện H, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Thợ may; nơi cư trú: Số 781, đường Châu Long, tổ 04, khóm MC, phường VM, thành phố K, tỉnh An Giang; trình độ học vấn 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B7, sinh năm 1939 và bà Lâm Thị Ôn, sinh năm 1945; có chồng là Nguyễn Văn Quý, sinh năm 1974; con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2002; anh chị em ruột có 05 người, bị cáo là người thứ nhất;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/11/2022 đến ngày 13/12/2022.

Từ ngày 13/12/2022, bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Ánh B8: Ông Nguyễn Ngọc Châu, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 68, đường Doãn Uẩn (đường cầu Cồn Tiên cũ), khóm 3, phường PA, thành phố K, tỉnh An Giang - Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Trần, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

9. Lê Thị Thúy B9, sinh năm 1994; nơi sinh: thành phố K, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Tiếp tân khách sạn; nơi cư trú: Số 21x0, đường Cử Trị, khóm 6, phường PA, thành phố K, tỉnh An Giang; trình độ học vấn 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn E, sinh năm 1970 và bà Lê Thị E, sinh năm 1972; có chồng là Trần Quốc Q, sinh năm 1979; con có 01 người, sinh năm 2017; anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ hai;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/6/2022, có mặt tại phiên tòa.

10. Đỗ Thanh B10, sinh năm 1970; nơi sinh: huyện H, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Mua bán; nơi cư trú: Số 193, ấp MC, xã Mỹ Đức, huyện H, tỉnh An Giang; trình độ học vấn 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Thành G, sinh năm 1942 (đã chết) và bà Trần Thị C, sinh năm 1946; có vợ là Nguyễn Thị Thu B8, sinh năm 1967; con có 01 người, sinh năm 1998; anh chị em ruột có 07 người, bị cáo là người thứ hai;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/7/2022, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Thanh B10: Ông Nguyễn Ngọc Châu, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 68, đường Doãn Uẩn (đường cầu Cồn Tiên cũ), khóm 3, phường PA, thành phố K, tỉnh An Giang - Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Trần, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

11. B7 Thị B11 (Tư), sinh năm 1977; nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm thuê; nơi cư trú: Số 193, đường Cử Trị, tổ 31, khóm 6, phường PA, thành phố K, tỉnh An Giang; trình độ học vấn 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông B7 Văn Vĩnh, sinh năm 1931 (đã chết) và bà Hồ Thị H, sinh năm 1938 (đã chết); có chồng là Nguyễn Thanh B, sinh năm 1963; con có 01 người, sinh năm 2001; anh chị em ruột có 05 người, bị cáo là người thứ ba;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/7/2022, có mặt tại phiên tòa.

12. Tô Văn B12, sinh năm 1989; nơi sinh: huyện H, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; nơi cư trú: Tổ 16, ấp K, xã K, huyện H, tỉnh An Giang; trình độ học vấn 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn Đà, sinh năm 1962 và bà Trần Thị B5, sinh năm 1961; có vợ là Trần Thị Bảo B8, sinh năm 1989; con có 03 người, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017; anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ hai;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/7/2022, có mặt tại phiên tòa.

13. Huỳnh Minh B13, sinh năm 1984; nơi sinh: thành phố K, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; nơi cư trú: Số 236, đường Cử Trị, tổ 29, khóm 6, phường PA, thành phố K, tỉnh An Giang; trình độ học vấn 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn Hai, sinh năm 1957 và bà Phạm Thị Ngọc B11, sinh năm 1957; có vợ là Phạm Thị Thanh Phụng, sinh năm 1988; con có 01 người, sinh năm 2006; anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là người thứ tư;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/11/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Minh B13: ông Lôi Văn W, sinh năm 1956; địa chỉ: số 2xx, đường Cử Trị, phường PA, thành phố K, tỉnh An Giang - Luật sư Văn phòng Luật sư Hùng Đức, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

Người làm chứng:

- Bà Trần Thị C1, sinh năm 1966 (vắng mặt);
- Bà Huỳnh Thị C2, sinh năm 1978 (vắng mặt);
- Dương Văn C3, sinh năm 1989 (vắng mặt);
- Bà Ngô Thị C4, sinh năm 1970 (vắng mặt);
- Bà Nguyễn Thị Thu C5, sinh năm 1950 (vắng mặt);
- Ông Nguyễn Văn C6, sinh năm 1997 (vắng mặt);
- Bà Ngụy Thị C7, sinh năm 1968 (vắng mặt);
- Ông Hồ Văn C8, sinh năm 1955 (vắng mặt);
- Ông Lê THị C9, sinh năm 1955 (vắng mặt);
- Bà Dương Thị C10, sinh năm 1957 (vắng mặt);
- Ông Lê Văn C11, sinh năm 1972 (vắng mặt);
- Bà Dương Thị C12, sinh năm 1985 (vắng mặt);
- Ông Nguyễn Vĩnh C13, sinh năm 1983 (có mặt);

- Ông Huỳnh Thanh C14, sinh năm 1971 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhận được tố giác của quần chúng nhân dân, về việc Huỳnh Kim B1 tham gia đánh bạc được thua bằng tiền, với nhiều người dưới hình thức ghi bán số lô, số đề tại số 971, đường TĐT, tổ 8, khóm MT, phường VM, thành phố K, tỉnh An Giang. Tiến hành kiểm tra, xác minh, ngày 11/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh An Giang ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Huỳnh Kim B1 và 07 địa điểm trên các địa bàn huyện H; thành phố K, tỉnh An Giang và thành phố B, tỉnh Đồng Nai liên quan đến Nguyễn Thanh B3, Văn Thị B4, Châu Thị Mỹ B5, Nguyễn Thị Bạch B2, Nguyễn Văn B7, Trần Văn B6, Trần Thị Ánh B8, Lê Thị Thúy B9, Đỗ Thanh B10, B7 Thị B11, Tô Văn B12, Huỳnh Minh B13. Khi vụ án bị phát hiện, một số người tham gia đánh bạc nhận thấy hành vi đánh bạc bằng hình thức mua lô đề, số đề được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, nên lần lượt ra đầu thú.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model: Iphone 6, số IMEI: 355409078951195, bên trong có gắn sim số 0939.561.116 (màn hình bị bể); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu hồng, Imei 1: 35507.90815.43345, Imei 2: 35508.00815.43343 số Seri: R58HC5GQ4TN, gắn sim điện thoại số 0966.877.305, kiểu máy: SM-G570/DS; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, Galaxy A52S, màu xanh, số seri: R5CRC09H64T, số Imei (khe 1) 350346.450516.326, Imei (khe 2) 350895.260516.322; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A02S, màu xanh, Số seri: R9GR30AYQJ, Imei (khe 1) 35311.24413.69556, Imei (khe 2) 35608.72613.69554, bên trong có gắn sim điện thoại số 0939.939.638; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại 6300, màu nâu, số Imei: 356947/03/149443/0 (bị hư, không mở nguồn được); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, màu vàng, số máy: MGC23ZA/A, số Sêri: F2LDT0Y90D5G, Imei (mặt trước): 35673.41154.29734, Imei (mặt sau): 35673.41155.94032 bên trong điện thoại gắn sim số 0919.725.234; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max, số máy: MGCJ3LL/A, số sêri: GOPDTXVVOD42, Imei: 35303.70930.95748; 01 (một) cái Ipad (thế hệ 6), số máy MR6P2J/A, số sêri: DMPWP5DFJD8D, Imei: 35303.70930.95748; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone SX max, màu xám trắng, số máy: MT662LL/A, số seri: F2LXHRAJKPHD, Imei: 35727.50945.48119, Imei 2: 35727.50943.62693; 01 (một) điện thoại Nokia màu trắng đen, Model: 2730C-1, Imei: 357978/03/425967/7 (bị hư, không mở nguồn được); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 6700C, màu vàng, FCC ID: QTKRM-470, IC: 661AD-RM470, CODE: 0594.332, Imei: 356049/03/274058/8, bàn phím hư (bị hư, không mở nguồn được); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng, số Imei: 3566.8008.0109.225, model: A1549, bên trong có gắn sim điện

thoại số 0984.191.287 (thời điểm kiểm tra máy hư, không khởi động được); 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, model C2-01, Imei: 358607/04/832062/6, bên trong gim sim điện thoại Viettel số 8984.04800.00237 (bị hư, không mở nguồn được); 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu xanh, model: V2134, Imei (sim 1): 86174.60531.62802, Imei (sim 2): 86174.60531.62810, bên trong có gắn sim điện thoại số 0924.742.078; 01 (một) máy tính bảng, nhãn ghi Ipad, màu vàng, Imei: 35927.70639.68854, sau lưng có chứa 01 thẻ sim màu đỏ trắng, có ghi số 0377.473.090, nhà mạng Viettel và 01 thẻ sim màu đen có ghi số 84.12532.06491, nhà mạng Vinaphone; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, số máy: MQ922LL/A, số Imei: 3594.9908.9840.559, không sim; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max, số máy: MLKV3LL/A, màu xanh, Imei: 3586.4925.3018.95, Imei: 35864.92532.13617, gắn sim số 0941.999.939; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng, màn hình bị bể (bị hỏng, không mở nguồn được).

- 06 (sáu) tờ giấy có ghi chữ và số bằng mực màu xanh, màu đỏ (bị rách); 77 (bảy mươi bảy) tờ phôi số lô, số đề, có in số thứ tự từ 00 đến 99 màu đỏ, có kẻ cột viền màu đỏ, chưa ghi gì hết; 01 (một) tờ giấy nhỏ có ghi nhiều chữ số bằng mực màu xanh; 02 (hai) tờ giấy A4 có ghi nhiều con số bằng mực màu xanh, mực đỏ; 60 (sáu mươi) tờ giấy A4 trắng, chưa ghi; 01 (một) quyển tập học sinh có ghi nhiều con số bằng mực xanh, mực đỏ; 62 (sáu mươi hai) cây viết mực gồm: 37 cây mực xanh, 25 cây mực đỏ; 01 (một) cây viết xóa; 03 (ba) máy tính hiệu Casio (01 cái hiệu DF-120MS, 01 DX-120B, 01 cái hiệu 12DC-12M); 87 (tám mươi bảy) tờ phôi in số từ 00 đến 99 màu đỏ, chưa ghi; 01 (một) mảnh giấy nhỏ màu trắng, một mặt chứa thông tin gồm chữ và số; 01 (một) cây bấm ghim, màu hồng; 18 (mười tám) tờ giấy, một mặt ghi nhiều chữ và số bằng mực xanh, màu đỏ, một mặt in chữ được đánh số thứ tự từ 01 đến 18 (khoanh tròn số thứ tự đã đánh) và chữ ký của Nguyễn Thị Bạch B2 vào ngày 11/5/2022; 187 (một trăm tám mươi bảy) tờ giấy, một mặt ghi nhiều chữ và số bằng mực màu xanh, màu đỏ, một mặt in chữ được đánh số thứ tự từ 01 đến 187 (khoanh tròn số thứ tự đã đánh) và chữ ký của Nguyễn Thị Bạch B2 vào ngày 11/5/2022; 01(một) cuốn sổ bìa ca rô màu xanh, bên trong cuốn sổ ghi nhiều chữ và số bằng mực màu xanh và đỏ, tất cả đã qua sử dụng.

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Toyota Corolla màu đen, biển số 67A-115.75, màu sơn; Đen, số máy; 2ZRX681483, số khung; 3HE2K7524678; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô Biển số 67A-115.75; 01 (một) Giấy biên nhận thể chấp Ngân hàng VIB;

- 01 xe mô tô Biển số; 67B2-550.41, nhãn hiệu; YAMAHA, số loại 125ZR, màu sơn: Xanh, số máy: 30Z101903, Số khung; 30Z101903 (đã qua sử dụng);

- Tiền việt nam 492.314.000 (bốn trăm chín mươi hai triệu ba trăm mười bốn nghìn) đồng.

- Đã giao trả cho Võ Thị Ngọc Mai, Nguyễn Bảo Bảo, Nguyễn Thái Bảo, Lê Văn Huyện, Huỳnh Thanh C14, Trần Thị C1, Nguyễn Thị Bạch B2, Trần

Văn B6, Châu Thị Mỹ B5, Văn Thị B4 09 điện di động các loại, 02 đầu ghi hình, các kim loại màu vàng và các giấy tờ không liên quan trong vụ án.

Căn cứ các Kết luận trưng cầu giám định:

- Kết luận giám định số 53/KL.PC09 ngày 27/6/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự (PC09) Công an tỉnh An Giang kết luận: Xe Ô tô biển số 67A-115.75, không bị đục sửa, không bị cắt hàn, không bị tẩy xóa, không bị hoen gỉ.

- Kết luận giám định số 71/KL.PC09 ngày 08/8/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự (PC09) Công an tỉnh An Giang kết luận: Xe Mô tô 67B2-550.41, bị đục sửa.

- Kết luận giám định số 194/KL-KLHS (KTSĐT-GT) ngày 29/6/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự (PC09) Công an tỉnh An Giang kết luận: Tìm thấy dữ liệu trong 02 điện thoại di động (Ký hiệu A1, A2); không tiến hành giám định trích xuất dữ liệu lưu trữ trong 01 điện thoại di động ký hiệu A3 do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh gửi giám định (do không truy cập được). Kèm theo phụ lục gồm 73 trang (thu từ bị cáo Nguyễn Thanh B3).

- Kết luận giám định số 122/KL-KLHS (KLSĐT-GT) ngày 20/5/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự (PC09) Công an tỉnh An Giang kết luận: Tìm thấy dữ liệu trong 04 điện thoại di động (Ký hiệu A1, A2, A3, A4) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh gửi giám định. Kèm theo phụ lục gồm 52 trang (thu từ bị cáo Huỳnh Kim B1).

- Kết luận giám định số 127/KL-KLHS (KLSĐT-GT) ngày 24/5/2022 của Phòng kỹ thuật Hình sự (PC09) Công an tỉnh An Giang kết luận: Tìm thấy dữ liệu trong 03 điện thoại di động (Ký hiệu A1, A2, A3) và 01 cái Ipad (Ký hiệu A4) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh gửi giám định. Kèm theo phụ lục gồm 93 trang (thu từ bị cáo Văn Thị B4).

- Kết luận giám định số 131/KL-KLHS (KTSĐT-GT) ngày 21/5/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự (PC09) Công an tỉnh An Giang kết luận: Tìm thấy dữ liệu trong 01 điện thoại di động (Ký hiệu A) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh gửi giám định. Kèm theo phụ lục gồm 21 trang (do bị cáo Trần Thị Ánh B8 giao nộp).

- Kết luận giám định số 132/KL-KLHS (KTSĐT-GT) ngày 24/5/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự (PC09) Công an tỉnh An Giang kết luận: Tìm thấy dữ liệu trong điện thoại di động (Ký hiệu A) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh gửi giám định. Kèm theo phụ lục gồm 74 trang (thu từ bị cáo Nguyễn Văn B7).

- Kết luận giám định số 186/KL-KLHS (KTSĐT-GT) ngày 30/6/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự (PC09) Công an tỉnh An Giang kết luận: Tìm thấy dữ liệu trong 03 điện thoại di động (Ký hiệu A1, A2, A3) và 01 đầu ghi hình Camera (Ký hiệu A4) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh gửi giám định. Kèm theo phụ lục gồm 101 trang (thu từ Nguyễn Thái Bảo và Nguyễn Bảo Bảo).

- Kết luận giám định số 187/KL-KLHS (KTSĐT-GT) ngày 03/7/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự (PC09) Công an tỉnh An Giang kết luận: Tìm thấy dữ liệu trong 01 điện thoại di động (Ký hiệu A) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh gửi giám định. Kèm theo phụ lục gồm 11 trang (thu từ bị cáo Huỳnh Thanh C14).

- Kết luận giám định số 182/KL-KLHS (KTSĐT-GT) ngày 23/6/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự (PC09) Công an tỉnh An Giang kết luận: Tìm thấy dữ liệu trong 01 điện thoại di động (Ký hiệu A) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh gửi giám định. Kèm theo phụ lục gồm 11 trang (do bị cáo Lê Thị Thúy B9 giao nộp).

- Kết luận giám định số 183/KL-KLHS (KTSĐT-GT) ngày 26/6/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự (PC09) Công an tỉnh An Giang kết luận: Tìm thấy dữ liệu trong 01 điện thoại di động (Ký hiệu A) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh gửi giám định. Kèm theo phụ lục gồm 45 trang (do bị cáo Huỳnh Minh B13 giao nộp).

- Kết luận giám định số 184/KL-KLHS (KTSĐT-GT) ngày 29/6/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự (PC09) Công an tỉnh An Giang kết luận: Tìm thấy dữ liệu trong 01 điện thoại di động (Ký hiệu A) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh gửi giám định. Kèm theo phụ lục gồm 15 trang (do bị cáo Trần Thị C1 giao nộp).

- Kết luận giám định số 185/KL-KLHS (KTSĐT-GT) ngày 03/7/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự (PC09) Công an tỉnh An Giang kết luận: Tìm thấy dữ liệu trong 02 điện thoại di động (Ký hiệu A1, A2) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh gửi giám định. Kèm theo phụ lục gồm 25 trang (do bị cáo Nguyễn Thị Bạch B2).

- Kết luận giám định số 267/KL-KLHS (KTSĐT-GT) ngày 03/10/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự (PC09) Công an tỉnh An Giang kết luận: Tìm thấy dữ liệu trong 01 điện thoại di động (Ký hiệu A) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh gửi giám định. Kèm theo phụ lục gồm 40 trang (do bị cáo B7 Thị B11 giao nộp).

- Kết luận giám định số 268/KL-KLHS (KTSĐT-GT) ngày 06/10/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự (PC09) Công an tỉnh An Giang kết luận: Tìm thấy dữ liệu trong 01 cái Ipab (Ký hiệu A1) và 01 đầu ghi Camera (Ký hiệu A2) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh gửi giám định. Kèm theo phụ lục gồm 16 trang (thu từ bị cáo Trần Văn B6).

- Kết luận giám định số 355/KL-KLHS (KTSĐT-GT) ngày 20/10/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự (PC09) Công an tỉnh An Giang kết luận: Tìm thấy dữ liệu trong 01 điện thoại di động (Ký hiệu A1); không tiến hành giám định, trích xuất dữ liệu lưu trữ trong 01 điện thoại di động (Ký hiệu A2) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh gửi giám định (do thiết bị không mở nguồn được). Kèm theo phụ lục gồm 49 trang (thu từ bị cáo Châu Thị Mỹ B5).

Ngày 20/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Huỳnh Kim B1, Nguyễn Thanh B3, Châu Thị Mỹ B5, Nguyễn Thị Bạch B2.

Ngày 16/6/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lê Thị Thúy B9.

Ngày 20/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Đỗ Thanh B10, B7 Thị B11, Tô Văn B12.

Ngày 10/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Huỳnh Minh B13.

Ngày 20/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Thị Ánh B8, Trần Văn B6.

Ngày 23/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can B7 Thị B4, Nguyễn Văn B7

Tại Cáo trạng số 91/CT-VKSCĐ ngày 21/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang truy tố các bị cáo Huỳnh Kim B1, Nguyễn Thị Bạch B2 về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nguyễn Thanh B3, Trần Văn B6, Trần Thị Ánh B8 về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015; Văn Thị B4, Nguyễn Văn B7 về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015; Châu Thị Mỹ B5, Huỳnh Minh B13, Lê Thị Thúy B9, Đỗ Thanh B10, B7 Thị B11, Tô Văn B12 về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa,

Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của các bị cáo; lời khai của những người làm chứng bà Trần Thị C1, bà Huỳnh Thị C2, Dương Văn C3, bà Ngô Thị C4, bà Nguyễn Thị Thu C5, ông Nguyễn Văn C6, bà Nguyễn Thị C7, ông Hồ Văn C8, ông Lê Thị C9, bà Dương Thị C10, ông Lê Văn C11, bà Dương Thị C12 và các Kết luận trung cầu giám định của Phòng Kỹ thuật Hình sự (PC09) Công an tỉnh An Giang. Ngoài ra, các bị cáo B1, B2, B7, B4 còn khai có nghề nghiệp thu nhập ổn định.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối các bị cáo Nguyễn Thanh B3, Trần Văn B6, Trần Thị Ánh B8 về tội “*Đánh bạc*” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; Châu Thị Mỹ B5, Huỳnh Minh B13, Lê Thị Thúy B9, Đỗ Thanh B10, B7 Thị B11, Tô Văn B12 về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Truy tố các bị cáo Huỳnh Kim B1, Nguyễn Thị Bạch B2, Văn Thị B4, Nguyễn Văn B7, về tội “*Đánh bạc*” theo Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, qua kết quả xét hỏi công khai, diễn biến tại phiên tòa, có căn cứ xác định rõ Huỳnh Kim B1 có nghề nghiệp chính sinh sống dịch

vụ kinh doanh nhà nghỉ, thu nhập ổn định, việc nhận phơi số đề để có thêm thu nhập, trang trải chi phí sinh hoạt cuộc sống và kết quả đánh bạc thua nhiều hơn thắng, không được hưởng lợi. Các bị cáo Nguyễn Thị Bạch B2, Văn Thị B4, Nguyễn Văn B7 ghi số đề thuê trong thời gian ngắn, tổng hợp phơi cho B1, hưởng tiền công và huê hồng; các bị cáo có thu lợi bất chính nhưng số tiền này không phải là nguồn sống chính. Thấy rằng không đủ căn cứ quy kết trách nhiệm các bị cáo B1, B2, B4, B7 tình tiết tăng nặng định khung hình phạt “*Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” theo điểm a khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Do đó, căn cứ Điều 319, khoản 3 Điều 321 và khoản 1 Điều 325 Bộ luật Tố tụng hình sự, rút một phần quyết định truy tố đối với tình tiết “*Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” (điểm a khoản 2 Điều 321), chỉ truy tố các bị cáo Huỳnh Kim B1, Nguyễn Thị Bạch B2 theo điểm b khoản 2 Điều 321 và truy tố các bị cáo Văn Thị B4, Nguyễn Văn B7 theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Đồng thời rút lại không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo B9, B11 tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự, các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Kim B1 từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự, các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bạch B2 từ 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự, các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B3 từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự, các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn B6 từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự, các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị Ánh B8 từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Văn Thị B4 từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự

xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B7 từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Châu Thị Mỹ B5 từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Minh B13 từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị Thúy B9 từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo B7 Thị B11 từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, các điểm i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Thanh B10 từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, các điểm i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Tô Văn B12 từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Về hình phạt bổ sung:

- Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Huỳnh Kim B1 từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng;

- Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị Bạch B2, Trần Văn B6, Trần Thị Ánh B8, Nguyễn Thanh B3, Văn Thị B4, Nguyễn Văn B7, Châu Thị Mỹ B5, Huỳnh Minh B13 từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng;

- Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Thị Thúy B9, B7 Thị B11 từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng;

- Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Tô Văn B12, Đỗ Thanh B10 từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị buộc bị cáo Huỳnh Kim B1 9.000.000 đồng; Nguyễn Thị Bạch B2 2.500.000 đồng; Trần Thị Ánh B8 39.000.000 đồng; Văn Thị B4 52.600.000 đồng; Nguyễn Văn B7 6.000.000 đồng; Tô Văn B12 150.000 đồng để sung nộp ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước: 04 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone; 03 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung; 02 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo; 03 máy tính cầm tay nhãn hiệu Casio 01 máy tính bảng nhãn hiệu Ipad đã thu giữ trong vụ án; Tiền Việt Nam 15.000.000 đồng.

- Tịch thu, tiêu hủy: 77 (bảy mươi bảy) tờ phôi số lô, số đề, có in số thứ tự từ 00 đến 99 màu đỏ, có kẻ cột viền màu đỏ, chưa ghi gì hết; 60 (sáu mươi) tờ giấy A4 trắng, chưa ghi; 62 (sáu mươi hai) cây viết mực gồm: 37 cây mực xanh, 25 cây mực đỏ; 01 (một) cây viết xóa; 87 (tám mươi bảy) tờ phôi in số từ 00 đến 99 màu đỏ, chưa ghi; 01 (một) cây bấm ghim, màu hồng.

- Trả lại cho bị cáo Huỳnh Kim B1 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Corolla màu đen, biển số 67A-115.75 cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, 01 giấy biên nhận thể chấp Ngân hàng VIB; 01 xe mô tô biển số 67B2-550.41, nhãn hiệu Yamaha màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại 6300, màu nâu; 01 điện thoại Nokia màu trắng đen; Văn Thị B4 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu vàng, có gắn sim số 0919.725.234; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 pro max, số máy MGCJ3LL/A; 01 Ipad (thế hệ 6), số máy M126P2J/A; Nguyễn Thanh B3 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max, gắn sim số 0941.999.939.

- Trả lại các bị cáo Nguyễn Thị Bạch B2 10.000.000 đồng, Trần Văn B6 16.799.000 đồng, Nguyễn Thanh B3 187.000.000 đồng, Châu Thị Mỹ B5 27.230.000 đồng, Văn Thị B4 59.027.000 đồng.

- Lưu vào hồ sơ vụ án: 06 (sáu) tờ giấy có ghi chữ và số bằng mực màu xanh, màu đỏ (bị rách); 01 (một) tờ giấy nhỏ có ghi nhiều chữ số bằng mực màu xanh; 02 (hai) tờ giấy A4 có ghi nhiều con số bằng mực màu xanh, mực đỏ; 01 (một) quyển tập học sinh có ghi nhiều con số bằng mực xanh, mực đỏ; 01 (một) mảnh giấy nhỏ màu trắng, một mặt chứa thông tin gồm chữ và số; 18 (mười tám) tờ giấy, một mặt ghi nhiều chữ và số bằng mực xanh, màu đỏ, một mặt in chữ được đánh số thứ tự từ 01 đến 18 (khoanh tròn số thứ tự đã đánh) và chữ ký của Nguyễn Thị Bạch B2 vào ngày 11/5/2022; 187 (một trăm tám mươi bảy) tờ giấy, một mặt ghi nhiều chữ và số bằng mực màu xanh, màu đỏ, một mặt in chữ được đánh số thứ tự từ 01 đến 187 (khoanh tròn số thứ tự đã đánh) và chữ ký của Nguyễn Thị Bạch B2 vào ngày 11/5/2022; 01 (một) cuốn sổ bìa ca rô màu xanh, bên trong cuốn sổ ghi nhiều chữ và số bằng mực màu xanh và đỏ.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền số tiền 177.258.000 đồng do các bị cáo chủ động giao nộp tiền thu lợi bất chính.

Luật sư Hồ Bích P trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Huỳnh Kim B1, Châu Thị Mỹ B5: Thống nhất với Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K

về định tội danh tội “Đánh bạc” đối với các bị cáo Huỳnh Kim B1, Châu Thị Mỹ B5.

- Bị cáo B1 xuất thân từ thành phần nhân dân lao động, có nghề nghiệp kinh doanh từ nhà trọ và xe ô tô nên không phụ thuộc vào việc mua bán số đề, không chịu tình tiết mang tính chất chuyên nghiệp như luận tội đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, ngoài ra bị cáo B1 có nhân thân tốt, do trình độ học vấn thấp, thiếu suy nghĩ, chỉ vì hám lợi nên tham gia việc bán số đề, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo B1.

Về biện pháp tư pháp, 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Corolla màu đen, biển số 67A-115.75 và 01 xe mô tô Biển số 67B2-550.41, nhãn hiệu; YAMAHA; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô; 01 Giấy biên nhận thể chấp Ngân hàng VIB. Đây là tài sản không dùng vào mục đích phạm tội nên xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo nhận lại các tài sản nêu trên.

- Đối với bị cáo B5, có nghề nghiệp ổn định làm tóc, do tình hình dịch bệnh việc làm khó khăn, thiếu suy nghĩ nên tham gia đánh bạc, do đó hành vi phạm tội không mang tính chất chuyên nghiệp, nhân thân tốt. Tuy nhiên có trình độ học vấn thấp, nơi cư trú ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo B5 ở khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Luật sư Nguyễn Ngọc Châu trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Trần Văn B6, Trần Thị Ánh B8, Đỗ Thanh B10: Thống nhất với Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K về định tội danh tội “Đánh bạc” đối với các bị cáo Nguyễn Văn B6, Trần Thị Ánh B8, Đỗ Thanh B10.

- Quá trình điều tra, tại phiên tòa các bị cáo B6, B8 thành khẩn khai báo, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, ăn năn hối cải. Riêng bị cáo B6, B8 đầu thú và tự thú các lần phạm tội trước, trong đó B6 tự thú 04 lần phạm tội trước, B8 tự thú 05 lần phạm tội trước. Ngoài ra các bị cáo tự nguyện nộp các khoản thu lợi bất hợp pháp, có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, thuộc thành phần nhân dân lao động, học vấn thấp, lao động chính trong gia đình, có nơi cư trú rõ ràng. Vì thời gian dịch bệnh, kinh tế khó khăn, các bị cáo thiếu suy nghĩ đã thực hiện hành vi đánh bạc. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 cho bị cáo B6 và B8 khi lượng hình (do B6 bị nhiều bệnh, B8 bị bệnh hiểm nghèo ung thư thận phải, đang theo dõi điều trị). Đề nghị không áp dụng hình phạt tiền đối với B6 và B8. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo khi lượng hình.

- Đối với bị cáo B10 có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng nên thống nhất đề nghị Viện kiểm sát về hình phạt cải tạo không giam giữ. Đề nghị xử phạt B10 cải tạo không giam giữ từ 06 đến 09 tháng, miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại các vật chứng đã thu giữ mà không liên quan hành vi phạm tội cho các bị cáo.

Luật sư Lôi Văn W trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Huỳnh Minh B13: Thống nhất với Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K về định tội danh tội “Đánh bạc” đối với bị cáo Huỳnh Minh B13. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm p, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự do B13 bị khuyết tật 01 tay trái, Bên cạnh đó, gia đình khó khăn, mẹ bị bệnh tâm thần, cha bị tai nạn giao thông vỡ hộp sọ, đề nghị áp dụng Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 về án treo đối với bị cáo B13 hoặc hình phạt chính là phạt tiền.

Trợ giúp viên pháp lý B3 Quang Vân bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn B7: Thống nhất với Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K về định tội danh tội “Đánh bạc” đối với bị cáo Nguyễn Văn B7. Tuy nhiên trong vụ án cộng dồn các lần đánh bạc của bị cáo là chưa phù hợp. Ngoài ra đề nghị áp dụng điểm i Điều 51 về phạm tội lần đầu và điểm p khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo B7. Bên cạnh đó, bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án tiền sự, có bệnh hiểm nghèo, là lao động chính nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo 01 năm tù treo.

Trong phần tranh luận, Đại diện kiểm sát giữ nguyên truy tố theo bản luận tội, các Luật sư giữ nguyên quan điểm bào chữa.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên. Trong lời nói sau cùng, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[3] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng những người làm chứng Trúc, Huỳnh, B7, Phụng, B3, Có, Thạch, Nhỏ, Kiệu, Tư, Hiệp, Linh vắng mặt. Xét những người vắng mặt đã có lời khai trong quá trình điều tra, không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung,

[4] B3nh vi phạm tội: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ gồm: Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang lập; lời khai của các đối tượng có liên quan đến việc đánh bạc; nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được làm rõ tại phiên tòa. Có đủ cơ sở để kết luận:

- Bị cáo B1 và B2: Để thực hiện hành vi đánh bạc, B1 trực tiếp ghi bán và nhận nhận phôi đề từ người khác ghi bán chuyển đến thông qua tin nhắn zalo, với các nick name tên “Hoa Sen”, “Bạch Hổ”. Trong thời gian này, B1 thuê B2 với tiền công 100.000 đồng/ngày để phụ giúp B1 trong việc cộng phôi, tổng hợp số trúng và nhận phôi từ người khác chuyển đến qua tin nhắn zalo tên “Mai Vàng”, như: từ B4 nhóm zalo tên Hoa Sen, Hoa Mai, Hoa Sim; từ B6 nhóm zalo tên Hoa Sen, Mai Vàng, Bao Bao và từ B1 trực tiếp ghi bán, nhận của người khác chuyển đến cho B2 tổng hợp phôi đề của Châu Thị Mỹ B5 zalo tên Chiệp, Trần Thị Ánh B8 zalo tên chị 5, Nguyễn Văn B7 zalo tên Tèo; các zalo khác tên Tóc, Thanh, Phong, Giỏi. Tổng số tiền B1 tham gia đánh bạc trên phôi với nhiều người là 846.782.825 đồng; tổng số tiền trúng 1.261.622.500 đồng; tổng số tiền tham gia đánh bạc là 2.108.405.325 đồng, do bị thua bạc nên B1 chưa thu lợi. Riêng, B2 không phụ giúp B1 tổng hợp phôi đề từ B3, B10 nên tổng hợp số tiền trên phôi giúp sức cho B1 803.843.825, tổng số tiền trúng 1.170.172.500 đồng; tổng số tiền tham gia đánh bạc là 1.974.016.325 đồng và B2 được B1 trả công 4.000.000 đồng.

Thời gian phạm tội của bị cáo B1 và B2 là từ tháng 02/2022 đến 10/5/2022. Riêng mỗi ngày bị cáo B1 dùng tiền để đánh bạc đều trên 50.000.000 đồng.

- Bị cáo B3: Từ 15/02/2022 đến ngày 10/5/2022, B3 sử dụng zalo tên Linh Anh nhận phôi đề của nhiều người, như Võ Kim Bông, Nguyễn Đình Tường, Phạm Thanh Quảng, Phùng Đức Cường, Ngô Nhật Linh, Trục (họ tên, địa chỉ) ở khu vực thành phố B, tỉnh Đồng Nai hoặc bị can B1 để tham gia đánh bạc và chuyển phôi đề lại cho Đỗ B7 Quốc Đạt, Đinh Ngọc Trình, Nguyễn Trọng B11, Quý (không rõ họ, địa chỉ) hoặc ngược lại cho B1 để hưởng huê hồng. Ngày 09/5/2022, B3 tham gia đánh bạc trực tiếp với B1, mỗi đài theo miền từ 5.670.000 đồng đến 68.972.000 đồng. Đài miền Nam, với tổng số tiền trên phôi 22.142.000 đồng, số tiền trúng 52.500.000 đồng, tổng cộng 74.642.000 đồng; Đài miền Bắc, với tổng số tiền trên phôi 18.797.000 đồng, số tiền trúng 22.950.000 đồng, tổng cộng 41.747.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là

116.389.000 đồng. B3 tham gia đánh bạc từ ngày 15/02/2022 đến ngày 10/5/2022 và được hưởng lợi khoảng 27.000.000 đồng.

- Bị cáo B4: Từ ngày 06/5/2022 đến ngày 10/5/2022, hàng ngày B4 sử dụng zalo tên Hoa Sim để tham gia đánh bạc với Lê Thị Thúy B9, B7 Thị B11, Huỳnh Minh B13, Trần Thị C1, Huỳnh Thị C2, Dương Văn C3 và nhiều người khác (không rõ họ tên, địa chỉ), mỗi đài theo miền từ 286.320 đồng đến 34.925.000 đồng/ngày. Đài miền Nam, với tổng số tiền trên phôi 91.418.270 đồng, số tiền trúng 82.280.000 đồng, tổng cộng 173.698.270 đồng; Đài miền Bắc, với tổng số tiền trên phôi 78.119.860 đồng, số tiền trúng 67.860.000 đồng, tổng cộng 145.979.860 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 319.678.130 đồng. Trong đó, B4 chuyển phôi để tham gia với B1, với tổng số tiền là 145.772.190 đồng, còn lại B4 chuyển cho Lan (không rõ họ, địa chỉ) và trực tiếp thắng thua với những người đánh bạc. B4 tham gia đánh bạc từ khoảng tháng 5/2021 đến 10/5/2022 và hưởng lợi khoảng 57.600.000 đồng.

- Bị cáo B5: Từ ngày 08/5 đến ngày 10/5/2022, hàng ngày B5 ghi bán số đề cho Ngô Thị C4 và nhiều người khác (không rõ họ tên, địa chỉ), đồng thời sử dụng zalo tên Phát Tài giao nhận phôi để tham gia đánh bạc với B1, mỗi đài từ theo miền 6.489.915 đồng đến 26.336.350 đồng/ngày. Đài miền Nam, với tổng số tiền trên phôi 24.804.400 đồng, số tiền trúng 40.590.000 đồng, tổng cộng 65.394.400 đồng; Đài miền Bắc, với tổng số tiền trên phôi 22.372.890 đồng, số tiền trúng 13.160.000 đồng, tổng cộng 35.532.890 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 100.927.290 đồng. B5 tham gia đánh bạc từ khoảng tháng 4/2022 đến ngày 10/5/2022 và được hưởng lợi khoảng 1.500.000 đồng.

- Bị cáo B8: Từ ngày 08/5 đến ngày 10/5/2022, hàng ngày B8 ghi bán số đề cho Nguỵ Thị C7 (Rót), Hồ Văn C8 (6 Hùm), Lê Thị C9 (Bà 3 Râu), Dương Thị C10 (3 Be), Lê Văn C11 và nhiều người khác (không rõ họ tên, địa chỉ) ở khu vực thành phố K. Sau đó, B8 sử dụng zalo tên Chị 5 giao nhận phôi để tham gia đánh bạc với B1, mỗi đài theo miền từ 37.913.100 đồng đến 131.470.300 đồng/ngày. Đài miền Nam, với tổng số tiền trên phôi 105.092.600 đồng, số tiền trúng 190.350.000 đồng, tổng cộng 295.442.600 đồng; Đài miền Bắc, với tổng số tiền trên phôi 100.247.500 đồng, số tiền trúng 70.300.000 đồng, tổng cộng 170.547.500 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 465.990.100 đồng. B8 tham gia đánh bạc từ khoảng tháng 12/2021 đến ngày 10/5/2022 và được hưởng lợi khoảng 54.000.000 đồng.

- Bị cáo B6: Từ ngày 06/5 đến ngày 10/5/2022, hàng ngày B6 sử dụng zalo tên Bao Bao giao nhận phôi để tham gia đánh bạc với B1, mỗi đài theo miền từ 2.218.300 đồng đến 116.164.000 đồng/ngày. Đài miền Nam, với tổng số tiền trên phôi 135.964.285 đồng, số tiền trúng 134.005.000 đồng, tổng cộng 269.969.285 đồng; Đài miền Bắc, với tổng số tiền trên phôi 64.197.820 đồng, số tiền trúng 96.462.500 đồng, tổng cộng 160.660.320 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 430.629.605 đồng. B6 tham gia đánh bạc từ ngày 25/4/2022 đến ngày 10/5/2022 và được hưởng lợi khoảng 15.000.000 đồng.

- Bị cáo B7: Từ ngày 06/5 đến ngày 10/5/2022, hàng ngày B7 ghi bán số đề cho Tô Văn B12, Nguyễn Thị Thu C5, Nguyễn Văn C6 và nhiều người khác (không rõ họ tên, địa chỉ). Sau đó, B7 sử dụng zalo tên Tèo giao nhận phoi đề tham gia đánh bạc với B1, mỗi đài theo miền từ 5.074.850 đồng đến 41.902.450 đồng/ngày. Đài miền Nam, với tổng số tiền trên phoi 27.327.210 đồng, số tiền trúng 66.170.000 đồng, tổng cộng 93.497.210 đồng; Đài miền Bắc, với tổng số tiền trên phoi 18.345.150 đồng, số tiền trúng 21.650.000 đồng, tổng cộng 39.995.150 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 133.492.360 đồng. B7 tham gia đánh bạc từ khoảng đầu tháng 4/2022 đến ngày 10/5/2022 và được hưởng lợi khoảng 6.000.000 đồng.

- Bị cáo B11: Ngày 10/5/2022, B11 trực tiếp ghi bán số đề các đài cho nhiều người (không rõ họ tên, địa chỉ) và sử dụng zalo tên “Tur” giao nhận phoi đề cho B4 để đánh bạc. Đài miền Nam, với số trên phoi là 4.494.460 đồng, số tiền trúng 14.560.000 đồng, tổng cộng 19.054.460 đồng; Đài miền Bắc, với tổng số tiền trên phoi 4.170.700 đồng, số tiền trúng 1.660.000 đồng, tổng cộng 5.830.700 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 24.885.160 đồng. B11 tham gia đánh bạc từ khoảng tháng 01/2022 đến ngày 10/5/2022 và được hưởng lợi khoảng 6.000.000 đồng

- Bị cáo B13: Ngày 16/4/2022 đến ngày 10/5/2022, B13 trực tiếp ghi bán số đề các đài cho nhiều người (không rõ họ tên, địa chỉ) và sử dụng zalo tên “Thehuynh” giao nhận phoi đề cho B4 để đánh bạc, mỗi đài theo miền từ 585.500 đồng đến 5.932.500 đồng/ngày. Đài miền Nam, với số trên phoi là 45.062.860 đồng, số tiền trúng 38.130.000 đồng, tổng cộng 83.192.860 đồng; Đài miền Bắc, với tổng số tiền trên phoi 29.016.500 đồng, số tiền trúng 27.290.000 đồng, tổng cộng 56.306.500 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 139.499.360 đồng. B13 tham gia đánh bạc từ ngày 16/4/2022 đến ngày 10/5/2022 và được hưởng lợi 1.500.000 đồng.

- Bị cáo B9: các ngày 09/5/2022 và ngày 10/5/2022, B9 trực tiếp ghi bán số đề các đài cho nhiều người (không rõ họ tên, địa chỉ) và sử dụng zalo tên “Kieule” giao nhận phoi đề cho B4 để đánh bạc, mỗi đài theo miền từ 951.200 đồng đến 17.530.140 đồng/ngày. Đài miền Nam, với số trên phoi là 10.349.980 đồng, số tiền trúng 6.750.000 đồng, tổng cộng 17.099.980 đồng; Đài miền Bắc, với tổng số tiền trên phoi 13.230.140 đồng, số tiền trúng 4.300.000 đồng, tổng cộng 17.530.140 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 34.630.120 đồng. B9 tham gia đánh bạc từ 4/2022 đến ngày 10/5/2022 và hưởng lợi khoảng 7.500.000 đồng. B9 tham gia đánh bạc từ khoảng tháng 4/2022 đến ngày 10/5/2022 và được hưởng lợi khoảng 7.500.000 đồng.

- Bị cáo B12: Ngày 10/5/2022, B12 trực tiếp mua số đề của B7 để đánh bạc, với số tiền trên phoi Đài Bạc Liêu 150.000 đồng, số tiền trúng 9.000.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc giữa B7 và B12 là 9.150.000 đồng.

- Bị cáo B10: Ngày 10/5/2022, B10 trực tiếp mua số đề của B1 để đánh bạc, với số tiền trên phoi Đài Bạc Liêu 1.000.000 đồng, số tiền trúng 8.000.000

đồng, tổng số tiền đánh bạc là 9.000.000 đồng và B10 thu lợi được 8.100.000 đồng.

Từ đó cho thấy, các bị cáo đã sử dụng điện thoại đánh bạc bằng hình thức ghi bán số lô, số đề được thua bằng tiền với nhiều người, liên tục nhiều lần mà tổng số tiền dùng đánh bạc của từng lần đánh bạc trên mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội này. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang truy tố bị cáo và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thành phố K rút một phần quyết định truy tố đối với tình tiết *“Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”* (điểm a khoản 2 Điều 321), chỉ truy tố các bị cáo Huỳnh Kim B1, Nguyễn Thị Bạch B2 theo điểm b khoản 2 Điều 321 và truy tố các bị cáo Văn Thị B4, Nguyễn Văn B7 theo khoản 1 Điều 321. Đồng thời rút lại không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo B9, B11 tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[5] Về tính chất của vụ án cũng như vai trò của từng bị cáo thì thấy như sau:

Đánh bạc là một trong những tệ nạn trong xã hội, nó không những làm cho người tham gia bỏ bê lao động, sản xuất, chỉ trông chờ vào vận may, gây xáo trộn hoạt động bình thường trong cộng đồng dân cư mà còn kéo theo những tệ nạn khác. Do vậy, pháp luật hình sự nước ta đã quy định hành vi đánh bạc là tội phạm và những người ghi bán số đề để được hưởng hoa hồng của chủ thầu cũng như những người tham gia đều phạm vào tội đánh bạc được quy định tại điều 321 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, các bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ khả năng nhận thức, thực hiện hành vi với lỗi cố ý nghiêm trọng, các bị cáo biết hành vi của mình là không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, là trái pháp luật, nhưng vì tư lợi, các bị cáo bất chấp vi phạm pháp luật, dấn thân vào con đường phạm tội. B3nh vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quản lý nhà nước về trật tự công cộng, đã xâm phạm đến trật tự trị an, nếp sống văn minh của xã hội, ảnh hưởng đến nhiều cuộc sống và hoạt động bình thường của gia đình, gây nguy hiểm cho xã hội. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo.

Các bị cáo đều là những người có đầy đủ nhận thức, biết pháp luật nghiêm cấm hành vi đánh bạc dưới mọi hình thức, trong đó có việc mua, bán số đề nhưng với ý thức háms lợi các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm pháp. Qua đó cũng cho thấy các bị cáo là người xem thường pháp luật, bất chấp hậu quả. Do vậy, khi lượng hình phải xử phạt các bị cáo một hình phạt nghiêm để răn đe. Mặc dù bị truy tố về cùng một tội phạm và trong vụ án có đồng phạm nhưng thuộc đồng phạm giản đơn, không có kết cấu chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Tuy nhiên cần phân hóa vai trò để xem xét, tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo để cá thể hóa hình phạt:

- Đối với bị cáo Huỳnh Kim B1 là người trực tiếp bán số đề cho nhiều người, sử dụng các số điện thoại di động không đăng ký chính chủ, tài khoản

mạng xã hội zalo không dùng tên và ảnh đại diện của B1 để liên lạc với những người mua đề, chính bị cáo là người chủ động chuẩn bị các phương tiện để thực hiện tội phạm như giấy, viết, điện thoại có chức năng ghi âm, ghi hình; khi chung tiền chi thắng thua bằng tiền mặt hoặc qua tài khoản ngân hàng, không có địa điểm giao nhận cố định, nhằm tránh sự chú ý của các cơ quan chức năng. Xét tính chất mức độ, vai trò của bị cáo B1 có tính chi phối toàn bộ hoạt động mua bán số đề được ăn thua bằng tiền của các bị cáo đồng phạm khác nên phải có mức hình phạt nghiêm khắc hơn các bị cáo còn lại mới thỏa đáng. Đồng thời bị cáo B1 còn phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” theo điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xem xét hồ sơ vụ án, bị cáo B1 có nghề nghiệp rõ ràng, có cơ sở kinh doanh là các nhà nghỉ Song Bảo, Song Bảo 2, Song Bảo 3 và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng nhưng các tài sản khác (ô tô, xe máy), tất cả đều được tạo lập trước thời điểm bị cáo phạm tội. Điều này cho thấy bị cáo B1 không sử dụng hành vi đánh bạc là công cụ, mục đích chính để kiếm thu nhập chính cho gia đình, mà là do bị cáo có lòng tham, háms lợi, không am hiểu được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật. Nên Hội đồng xét xử xem xét hình phạt cho bị cáo B1 khi lượng hình.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị Bạch B2 là người phụ giúp trực tiếp cho bị cáo B1 về việc nhận phôi đề và tính tiền lời lỗ trong các tờ phôi do các bị cáo còn lại gửi đến, tiền công nhận được là 100.000 đồng/ngày, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” theo điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo B2 không sử dụng hành vi trên là công cụ, mục đích chính để kiếm thu nhập chính cho gia đình, mà là vì háms lợi và không am hiểu pháp luật. Nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét mức hình phạt khi lượng hình cho bị cáo B2.

- Đối với các bị cáo Nguyễn Thanh B3, Trần Văn B6 và Trần Thị Ánh B8 tham gia đánh bạc với số tiền đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên nên cần có mức án tương xứng với hành vi trên. Ngoài ra, bị cáo B3 có tổng số tiền tham gia đánh bạc thấp hơn bị cáo B4 nhưng tính chất mức độ nguy hiểm cao hơn bị cáo B4. Bởi vì, hành vi đánh bạc của bị cáo B3 liên quan đến các địa bàn như thành phố B, Đồng Nai và tỉnh An Giang; là đối tượng trực tiếp đánh bạc với nhiều người khác, nhận giao phôi đề với bị cáo B1 (đầu vụ); chuyển phôi đề cho các đối tượng khác như Đạt, Tình, B11, Quý nên khi lượng hình cần xem xét mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Trường hợp, đối với bị cáo B8 đang bị bệnh nặng (ung thư thận, có giấy khám sức khỏe của bệnh viện) nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét mức hình phạt khi lượng hình cho bị cáo B8.

- Đối với các bị cáo Văn Thị B4 và Nguyễn Văn B7 tham gia đánh bạc, bán lô đề cho nhiều đối tượng và giao phôi hàng ngày lại cho B1. Do đó, cần có mức án tương xứng với hành vi này. Tuy nhiên, đối với bị cáo B7 là người khuyết tật và đang bị bệnh nặng (chạy thận giai đoạn 5, có giấy khám sức khỏe của bệnh viện) nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét mức hình phạt khi lượng hình cho bị cáo B7.

- Đối với các bị cáo Châu Thị Mỹ B5, Huỳnh Minh B13, Lê Thị Thúy kiều, B7 Thị B11 trực tiếp tham gia đánh bạc với hình thức bán lô đề cho các đối tượng khác. Tuy nhiên, mua bán với hình thức không lớn, không gây ảnh hưởng nghiêm trọng. Do vậy xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

- Đối với bị cáo Đỗ Thanh B10 và Tô Văn B12 chỉ tham gia mua số đề đề được hưởng tiền thắng cược nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc nhưng mức độ ít nghiêm trọng.

[6] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: các bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Các bị cáo Huỳnh Kim B1, Nguyễn Thị Bạch B2, Văn Thị B4, Nguyễn Văn B7, Nguyễn Thanh B3, Châu Thị Mỹ B5, Trần Văn B6, Trần Thị Ánh B8 và Huỳnh Minh B13 thực hiện hành vi đánh bạc 02 lần mà tổng số tiền của từng lần đánh bạc đều trên mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự (từ 5.000.000 đồng trở lên), nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là *“Phạm tội 02 lần trở lên”* theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

- Các bị cáo Lê Thị Thúy B9, Đỗ Thanh B10, B7 Thị B11, Tô Văn B12 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện khai báo với cơ quan điều tra về hành vi phạm tội của mình trước khi tội phạm bị phát hiện là tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, các bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính nên các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Ngoài ra, đối với các bị cáo Đỗ Thanh B10, Tô Văn B12 được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, các bị cáo B10, B12 có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xem xét cho các bị cáo.

Xét thấy, các bị cáo Đỗ Thanh B10, Tô Văn B12 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (điểm i, s, r khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự). Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự, trong khi được tại ngoại để chờ điều tra, xử lý, các bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật và các quy định tại địa phương, không có biểu hiện vi phạm pháp luật mới, có khả năng tự cải tạo và không gây ảnh hưởng xấu cho xã hội. Do đó, theo quy định tại Điều 54, Điều 36 Hội đồng xét xử quyết định không cần cách ly các bị cáo để giáo dục, có thể áp dụng cải tạo không giam giữ theo khung điều luật của Bộ luật Hình sự nhằm thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn B7: là người khuyết tật và đang bị bệnh nặng (chạy thận giai đoạn 5, có giấy khám sức khỏe của bác sĩ). Trong quá trình điều tra

cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện khai báo với cơ quan điều tra về hành vi phạm tội của mình trước khi tội phạm bị phát hiện là tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Đối với bị cáo Trần Thị Ánh B8: đang bệnh nặng (ung thư thận); bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện khai báo với cơ quan điều tra về hành vi phạm tội của mình trước khi tội phạm bị phát hiện là tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, các bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính nên các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, các bị cáo B7, B8 đang bệnh nặng nên hội đồng xét xử sẽ cân nhắc áp dụng mức hình phạt phù hợp với các bị cáo.

[8] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có thu nhập ổn định nhưng vì ham lợi nên đã thực hiện các hành vi đánh bạc nêu trên nên hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo:

Buộc bị cáo Huỳnh Kim B1 nộp phạt số tiền 50.000.000 đồng;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Bạch B2 nộp phạt số tiền 40.000.000 đồng;

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh B3, Trần Thị Ánh B8, Trần Văn B6 nộp phạt số tiền 30.000.000 đồng;

Buộc bị cáo Văn Thị B4, Châu Thị Mỹ B5 nộp phạt số tiền 20.000.000 đồng;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn B7, Huỳnh Minh B13, Lê Thị Thúy B9, B7 Thị B11, Đỗ Thanh B10, Tô Văn B12 nộp phạt số tiền 10.000.000 đồng;

[9] Các biện pháp tư pháp: Đối với số tiền thu lợi bất chính là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc, Hội đồng xét xử xét thấy số tiền này có được từ việc đánh bạc nên cần phải buộc các bị cáo giao nộp lại. Vì vậy, buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi để sung nộp vào ngân sách Nhà nước cụ thể: Buộc bị cáo Huỳnh Kim B1 nộp lại tiền thu lợi tổng cộng 9.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thị Bạch B2 nộp 2.500.000 đồng; bị cáo Trần Thị Ánh B8 nộp 39.000.000 đồng; bị cáo Văn Thị B4 nộp 52.600.000 đồng và bị cáo Nguyễn Văn B7 nộp 6.000.000 đồng để sung nộp ngân sách Nhà nước.

[10] Về xử lý vật chứng

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- 77 (bảy mươi bảy) tờ phơi số lô, số đề, có in số thứ tự từ 00 đến 99 màu đỏ, có kẻ cột viền màu đỏ, chưa ghi gì hết; 60 (sáu mươi) tờ giấy A4 trắng, chưa ghi; 62 (sáu mươi hai) cây viết mực gồm: 37 cây mực xanh, 25 cây mực đỏ; 01 (một) cây viết xóa; 87 (tám mươi bảy) tờ phơi in số từ 00 đến 99 màu đỏ, chưa ghi; 01 (một) cây bấm ghim, màu hồng. Đây là vật chứng không còn giá trị nên xét tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model: Iphone 6, số IMEI: 355409078951195, bên trong có gắn sim số 0939.561.116 (màn hình bị bể); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone SX max, màu xám trắng, số máy: MT662LL/A, số seri: F2LXHRAJKPHD, Imei: 35727.50945.48119, Imei 2: 35727.50943.62693; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng, số Imei: 3566.8008.0109.225, model: A1549, bên trong có gắn sim điện thoại số 0984.191.287 (thời điểm kiểm tra máy hư, không khởi động được); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng, màn hình bị bể (bị hỏng, không mở nguồn được); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu hồng, Imei 1: 35507.90815.43345, Imei 2: 35508.00815.43343 số Seri: R58HC5GQ4TN, gắn sim điện thoại số 0966.877.305, kiểu máy: SM-G570/DS; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, Galaxy A52S, màu xanh, số seri: R5CRC09H64T, số Imei (khe 1) 350346.450516.326, Imei (khe 2) 350895.260516.322; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A02S, màu xanh, Số seri: R9GR30AYQJ, Imei (khe 1) 35311.24413.69556, Imei (khe 2) 35608.72613.69554, bên trong có gắn sim điện thoại số 0939.939.638; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 6700C, màu vàng, FCC ID: QTKRM-470, IC: 661AD-RM470, CODE: 0594.332, Imei: 356049/03/274058/8, bàn phím hư (bị hư, không mở nguồn được); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, model C2-01, Imei: 358607/04/832062/6, bên trong ghim sim điện thoại Viettel số 8984.04800.00237 (bị hư, không mở nguồn được); 01 (một) máy tính bảng, nhãn ghi Ipad, màu vàng, Imei: 35927.70639.68854, sau lưng có chứa 01 thẻ sim màu đỏ trắng, có ghi số 0377.473.090, nhà mạng Viettel và 01 thẻ sim màu đen có ghi số 84.12532.06491, nhà mạng Vinaphone; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu xanh, model: V2134, Imei (sim 1): 86174.60531.62802, Imei (sim 2): 86174.60531.62810, bên trong có gắn sim điện thoại số 0924.742.078; 03 (ba) máy tính hiệu Casio (01 cái hiệu DF-120MS, 01 DX-120B, 01 cái hiệu 12DC-12M); Tiền Việt Nam 15.000.000 đồng. Đây là tài sản dùng vào mục đích phạm tội nên xét tịch thu sung vào Công quỹ Nhà nước.

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Toyota Corolla màu đen, biển số 67A-115.75, màu sơn; Đen, số máy; 2ZRX681483, số khung; 3HE2K7524678 và 01 xe mô tô Biển số 67B2-550.41, nhãn hiệu; YAMAHA, số loại 125ZR, màu sơn: Xanh, số máy: 30Z101903, Số khung; 30Z101903 (đã qua sử dụng); 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô Biển số 67A-115.75; 01 (một) Giấy biên nhận thế chấp Ngân hàng VIB; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại 6300, màu nâu, số Imei: 356947/03/149443/0 (bị hư, không mở nguồn được); 01 (một) điện thoại Nokia màu trắng đen, Model: 2730C-1, Imei: 357978/03/425967/7 (bị hư, không mở nguồn được). Đây là tài sản không dùng vào mục đích phạm tội nên xét giao trả lại cho bị cáo Huỳnh Kim B1.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, màu vàng, số máy: MGC23ZA/A, số Sêri: F2LDTOY90D5G, Imei (mặt trước): 35673.41154.29734, Imei (mặt sau): 35673.41155.94032 bên trong điện thoại gắn sim số 0919.725.234; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro

max, số máy: MG CJ3LL/A, số sêri: GOPDTXVVOD42, Imei: 35303.70930.95748; 01(một) cái Ipad (thế hệ 6), số máy MR6P2J/A, số sêri: DMPWP5DFJD8D, Imei: 35303.70930.95748. Đây là tài sản không dùng vào mục đích phạm tội nên xét giao trả lại cho bị cáo Văn Thị B4.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, số máy: MQ922LL/A, số Imei: 3594.9908.9840.559, không sim; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max, số máy: MLKV3LL/A, màu xanh, Imei: 3586.4925.3018.95, Imei: 35864.92532.13617, gắn sim số 0941.999.939. Đây là tài sản không dùng vào mục đích phạm tội nên xét giao trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh B3.

- Tiền Việt Nam 300.056.000 đồng. Đây là tiền cá nhân, dành dụm được, không dùng vào việc đánh bạc nên đề nghị trả lại cho các bị cáo Nguyễn Thị Bạch B2 10.000.000 đồng, Trần Văn B6 16.799.000 đồng, Nguyễn Thanh B3 187.000.000 đồng, Châu Thị Mỹ B5 27.230.000 đồng, Văn Thị B4 59.027.000 đồng.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền số tiền 177.258.000 đồng do các bị cáo chủ động giao nộp tiền thu lợi bất chính.

- 06 (sáu) tờ giấy có ghi chữ và số bằng mực màu xanh, màu đỏ (bị rách); 01 (một) tờ giấy nhỏ có ghi nhiều chữ số bằng mực màu xanh; 02 (hai) tờ giấy A4 có ghi nhiều con số bằng mực màu xanh, mực đỏ; 01 (một) quyển tập học sinh có ghi nhiều con số bằng mực xanh, mực đỏ; 01 (một) mảnh giấy nhỏ màu trắng, một mặt chứa thông tin gồm chữ và số; 18 (mười tám) tờ giấy, một mặt ghi nhiều chữ và số bằng mực màu xanh, màu đỏ, một mặt in chữ được đánh số thứ tự từ 01 đến 18 (khoanh tròn số thứ tự đã đánh) và chữ ký của Nguyễn Thị Bạch B2 vào ngày 11/5/2022; 187 (một trăm tám mươi bảy) tờ giấy, một mặt ghi nhiều chữ và số bằng mực màu xanh, màu đỏ, một mặt in chữ được đánh số thứ tự từ 01 đến 187 (khoanh tròn số thứ tự đã đánh) và chữ ký của Nguyễn Thị Bạch B2 vào ngày 11/5/2022; 01(một) cuốn sổ bìa ca rô màu xanh, bên trong cuốn sổ ghi nhiều chữ và số bằng mực màu xanh và đỏ. Đây là vật chứng xác định hành vi phạm tội của các bị cáo nên xét tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

[11] Các vấn đề khác:

- Trần Thị Trang, Trịnh Quốc Khánh, Trần Quang Vinh, Nguyễn Trường Thịnh, Trần Thị B7 Thuỷ, Nguyễn Văn Lạc, Võ Thị Thanh Phương, Bùi Văn Thanh, quá trình điều tra xác định có hành vi đánh bạc không có liên quan đến vụ án của Huỳnh Kim B1. Do đó, ngày 10/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh An Giang ra Quyết định khởi tố vụ án để điều tra xử lý ở vụ án khác.

- Huỳnh Thanh C14, khai: Bình tham gia đánh bạc được bằng tiền dưới hình thức ghi số lô, số đề giao phối cho Huỳnh Kim B1 để hưởng lợi, nhưng B1 không thừa nhận. Ngoài lời khai của Bình không còn chứng cứ khác chứng minh, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh An Giang tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

- Thanh, Phong, Giỏi, Tóc và những người tham gia đánh bạc với B1. Do chưa xác định được họ tên, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh An Giang tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý.

- Trần Thị C1, Huỳnh Thị C2, Dương Văn C3, Ngô Thị C4, Nguyễn Thị Thu C5, Nguyễn Văn C6, Nguyễn Thị Cẩm Thạch (Rớt), Hồ Văn C8 (6 Hùm), Lê Thị C9 (Bà 3 Râu), Dương Thị C10 (3 Be), Lê Văn C11, Dương Thị Thuỳ Linh, Nguyễn Vĩnh Thụy tham gia đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề và cá độ bóng đá được thua bằng tiền, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh An Giang có văn bản đề nghị xử phạt hành chính.

- Võ Kim Bông, Nguyễn Đình Tường, Phạm Thanh Quảng, Phùng Đức Cường, Ngô Nhựt Linh, Đỗ B7 Quốc Đạt, Đinh Ngọc Trinh, Nguyễn Trọng B11, Trục, Quý (họ tên, địa chỉ) và những người tham gia đánh bạc với B3 tại khu vực thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh An Giang đã Ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai, xác minh làm rõ hành vi của những người này, khi có kết quả sẽ tiếp tục xử lý sau.

- Huỳnh Kim B1, Nguyễn Thị Bạch B2, Nguyễn Thanh B3, Văn Thị B4, Châu Thị Mỹ B5, Trần Văn B6, Nguyễn Văn B7, Trần Thị Ánh B8, Đỗ Thanh B10, Huỳnh Minh B13, khai ngoài các lần trên còn tham gia các lần đánh bạc khác, nhưng ngoài B1, B2, B3, B4, B5, B6, B7, B8, B10 và B13 không còn chứng cứ chứng minh nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh An Giang không quy kết trách nhiệm hình sự đối với những lần này là có căn cứ.

[12] Về đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa:

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên rút lại truy tố đối với các bị cáo B1, B2, B7, B4 về hành vi phạm tội có tính chất chuyên nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự. Xét thấy, các bị cáo có nghề nghiệp ổn định. Mặc dù các bị cáo thu lợi bất chính từ việc bán số lô, đề nhưng không phải là nguồn thu thập chính để nuôi sống bản thân và gia đình các bị cáo. Vì vậy, Kiểm sát viên rút lại truy tố các bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bên cạnh đó, Kiểm sát viên rút lại áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm I khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo B9, B11. Hội đồng xét xử xét thấy hợp lý nên có căn cứ chấp nhận.

- Trong phần tranh luận tại phiên tòa, những người bào chữa thống nhất với truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, HĐXX căn nhắc xem xét mức hình phạt phù hợp với từng bị cáo.

[13] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[14] Quyền kháng cáo: Các bị cáo Huỳnh Kim B1, Nguyễn Thị Bạch B2, Nguyễn Thanh B3, Trần Văn B6, Trần Thị Ánh B8, Văn Thị B4, Nguyễn Văn

B7, Châu Thị Mỹ B5, Huỳnh Minh B13, Lê Thị Thúy B9, Đỗ Thanh B10, B7 Thị B11, Tô Văn B12 có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Kim B1 phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Huỳnh Kim B1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 13/5/2022.

Buộc bị cáo Huỳnh Kim B1 nộp lại tiền thu lợi tổng cộng 9.000.000 đồng để sung nộp ngân sách Nhà nước.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Bạch B2 phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Bạch B2 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 20/5/2022.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Bạch B2 nộp lại tiền thu lợi tổng cộng 2.500.000 đồng để sung nộp ngân sách Nhà nước.

3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

3.1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh B3 phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B3 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 13/5/2022.

3.2. Tuyên bố bị cáo Trần Văn B6 phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn B6 02 (hai) 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 14/5/2022.

3.3. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Ánh B8 phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ánh B8 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành án của bị cáo được tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù (bị cáo được khấu trừ ngày tạm giam từ ngày 28/11/2022 đến ngày 13/12/2022 là 16 ngày).

Buộc bị cáo Trần Thị Ánh B8 nộp lại tiền thu lợi tổng cộng 39.000.000 đồng để sung nộp ngân sách Nhà nước.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

4.1. Xử phạt bị cáo Văn Thị B4 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 12/5/2022.

Buộc bị cáo Văn Thị B4 nộp lại tiền thu lợi tổng cộng 52.600.000 đồng để sung nộp ngân sách Nhà nước.

4.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B7 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành án của bị cáo được tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù. (Bị cáo được khấu ngày tạm giam từ ngày 29/11/2022 đến ngày 30/11/2022 là 01 ngày).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn B7 nộp lại tiền thu lợi tổng cộng 6.000.000 đồng để sung nộp ngân sách Nhà nước.

4.3. Xử phạt bị cáo Châu Thị Mỹ B5 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 13/5/2022.

4.4. Xử phạt bị cáo Huỳnh Minh B13 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 28/11/2022.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

5.1. Xử phạt bị cáo Lê Thị Thúy B9 10 tháng tù. Thời hạn chấp hành án của bị cáo được tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

5.2. Xử phạt bị cáo B7 Thị B11 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành án của bị cáo được tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm

6.1. Xử phạt bị cáo Đỗ Thanh B10 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ

Trong thời gian chấp hành án, bị cáo còn phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ. Miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo.

Giao bị cáo B10 cho Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức, huyện H, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

6.2. Xử phạt bị cáo Tô Văn B12 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ

Trong thời gian chấp hành án, bị cáo còn phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ. Miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo.

Giao bị cáo B12 cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện H, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

Buộc bị cáo Tô Văn B12 nộp lại số tiền tổng cộng 150.000 đồng để sung nộp ngân sách Nhà nước.

7. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Buộc bị cáo Huỳnh Kim B1 nộp phạt số tiền 50.000.000 đồng;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Bạch B2 nộp phạt số tiền 40.000.000 đồng;

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh B3, Trần Thị Ánh B8, Trần Văn B6 nộp phạt số tiền 30.000.000 đồng;

Buộc bị cáo Văn Thị B4, Châu Thị Mỹ B5 nộp phạt số tiền 20.000.000 đồng;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn B7, Huỳnh Minh B13, Lê Thị Thúy B9, B7 Thị B11, Đỗ Thanh B10, Tô Văn B12 nộp phạt số tiền 10.000.000 đồng;

8. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu tiêu hủy: 77 (bảy mươi bảy) tờ phơi số lô, số đề, có in số thứ tự từ 00 đến 99 màu đỏ, có kẻ cột viền màu đỏ, chưa ghi gì hết; 60 (sáu mươi) tờ giấy A4 trắng, chưa ghi; 62 (sáu mươi hai) cây viết mực gồm: 37 cây mực xanh, 25 cây mực đỏ; 01 (một) cây viết xóa; 87 (tám mươi bảy) tờ phơi in số từ 00 đến 99 màu đỏ, chưa ghi; 01 (một) cây bấm ghim, màu hồng.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, model: Iphone 6, số IMEI: 355409078951195, bên trong có gắn sim số 0939.561.116 (màng hình bị bể); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone SX max, màu xám trắng, số máy: MT662LL/A, số seri: F2LXHRAJKPHD, Imei: 35727.50945.48119, Imei 2: 35727.50943.62693; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng, số Imei: 3566.8008.0109.225, model: A1549, bên trong có gắn sim điện thoại số 0984.191.287 (thời điểm kiểm tra máy hư, không khởi động được); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng, màng hình bị bể (bị hỏng, không mở nguồn được); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu hồng, Imei 1: 35507.90815.43345, Imei 2: 35508.00815.43343 số Seri: R58HC5GQ4TN, gắn sim điện thoại số 0966.877.305, kiểu máy: SM-G570/DS; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, Galaxy A52S, màu xanh, số seri: R5CRC09H64T, số Imei (khe 1) 350346.450516.326, Imei (khe 2) 350895.260516.322; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A02S, màu xanh, Số seri: R9GR30AYQJ, Imei (khe 1) 35311.24413.69556, Imei (khe 2) 35608.72613.69554, bên trong có gắn sim điện thoại số 0939.939.638; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 6700C, màu vàng, FCC ID: QTKRM-470, IC: 661AD-RM470, CODE:

0594.332, Imei: 356049/03/274058/8, bàn phím hư (bị hư, không mở nguồn được); 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, model C2-01, Imei: 358607/04/832062/6, bên trong ghim sim điện thoại Viettel số 8984.04800.00237 (bị hư, không mở nguồn được); 01 (một) máy tính bảng, nhãn ghi Ipad, màu vàng, Imei: 35927.70639.68854, sau lưng có chứa 01 thẻ sim màu đỏ trắng, có ghi số 0377.473.090, nhà mạng Viettel và 01 thẻ sim màu đen có ghi số 84.12532.06491, nhà mạng Vinaphone; 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu xanh, model: V2134, Imei (sim 1): 86174.60531.62802, Imei (sim 2): 86174.60531.62810, bên trong có gắn sim điện thoại số 0924.742.078; 03 (ba) máy tính hiệu Casio (01 cái hiệu DF-120MS, 01 DX-120B, 01 cái hiệu 12DC-12M); Tiền việt nam 15.000.000 đồng.

- Giao trả lại cho các bị cáo: Huỳnh Kim B1 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Toyota Corolla màu đen, biển số 67A-115.75, màu sơn; Đen, số máy: 2ZRX681483, số khung: 3HE2K7524678 và 01 xe mô tô Biển số 67B2-550.41, nhãn hiệu; YAMAHA, số loại 125ZR, màu sơn: Xanh, số máy: 30Z101903, Số khung: 30Z101903 (đã qua sử dụng); 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô Biển số 67A-115.75; 01 (một) Giấy biên nhận thế chấp Ngân hàng VIB; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia loại 6300, màu nâu, số Imei: 356947/03/149443/0 (bị hư, không mở nguồn được); 01(một) điện thoại Nokia màu trắng đen, Model:2730C-1, Imei: 357978/03/425967/7 (bị hư, không mở nguồn được); Văn Thị B4 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, màu vàng, số máy: MGC23ZA/A, số Sêri: F2LDT0Y90D5G, Imei (mặt trước): 35673.41154.29734, Imei (mặt sau): 35673.41155.94032 bên trong điện thoại gắn sim số 0919.725.234; 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max, số máy: MGCJ3LL/A, số sêri: GOPDTXVVD42, Imei: 35303.70930.95748; 01(một) cái Ipad (thế hệ 6), số máy MR6P2J/A, số sêri: DMPWP5DFJD8D, Imei: 35303.70930.95748; Nguyễn Thanh B3 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, số máy: MQ922LL/A, số Imei: 3594.9908.9840.559, không sim; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max, số máy: MLKV3LL/A, màu xanh, Imei: 3586.4925.3018.95, Imei: 35864.92532.13617, gắn sim số 0941.999.939.

- Trả lại các bị cáo Nguyễn Thị Bạch B2 10.000.000 đồng, Trần Văn B6 16.799.000 đồng, Nguyễn Thanh B3 187.000.000 đồng, Châu Thị Mỹ B5 27.230.000 đồng, Văn Thị B4 59.027.000 đồng.

- Lưu vào hồ sơ vụ án: 06 (sáu) tờ giấy có ghi chữ và số bằng mực màu xanh, màu đỏ (bị rách); 01 (một) tờ giấy nhỏ có ghi nhiều chữ số bằng mực màu xanh; 02 (hai) tờ giấy A4 có ghi nhiều con số bằng mực màu xanh, mực đỏ; 01 (một) quyển tập học sinh có ghi nhiều con số bằng mực xanh, mực đỏ; 01 (một) mảnh giấy nhỏ màu trắng, một mặt chứa thông tin gồm chữ và số; 18 (mười tám) tờ giấy, một mặt ghi nhiều chữ và số bằng mực xanh, màu đỏ, một mặt in chữ được đánh số thứ tự từ 01 đến 18 (khoanh tròn số thứ tự đã đánh) và chữ ký của Nguyễn Thị Bạch B2 vào ngày 11/5/2022; 187 (một trăm tám mươi bảy) tờ giấy, một mặt ghi nhiều chữ và số bằng mực màu xanh, màu đỏ, một mặt in chữ được đánh số thứ tự từ 01 đến 187 (khoanh tròn số thứ tự đã đánh) và chữ ký

của Nguyễn Thị Bạch B2 vào ngày 11/5/2022; 01(một) cuốn sổ bìa ca rô màu xanh, bên trong cuốn sổ ghi nhiều chữ và số bằng mực màu xanh và đỏ.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền số tiền 177.258.000 đồng do các bị cáo chủ động giao nộp tiền thu lợi bất chính.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng ngày 29 tháng 11 năm 2022 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh An Giang với Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

9. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Huỳnh Kim B1, Nguyễn Thị Bạch B2, Nguyễn Thanh B3, Trần Văn B6, Trần Thị Ánh B8, Văn Thị B4, Nguyễn Văn B7, Châu Thị Mỹ B5, Huỳnh Minh B13, Lê Thị Thúy B9, Đỗ Thanh B10, B7 Thị B11, Tô Văn B12 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

10. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo Huỳnh Kim B1, Nguyễn Thị Bạch B2, Nguyễn Thanh B3, Trần Văn B6, Trần Thị Ánh B8, Văn Thị B4, Nguyễn Văn B7, Châu Thị Mỹ B5, Huỳnh Minh B13, Lê Thị Thúy B9, Đỗ Thanh B10, B7 Thị B11, Tô Văn B12 có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Chân